

Phụ lục 1
Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục
(Kèm theo Công văn số 441/PGDDT ngày 13/8/2021)

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên – Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Khoa học										70	36	34	70	36	34
7	Lịch sử - Địa lí										70	36	34	70	36	34
8	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
9	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
12	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
13	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
2. Môn học tự chọn																
1	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	70	36	34	70	36	34									
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Đọc sách	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
2	Tăng cường TV- T	105	54	51	105	54	51	105	54	51	35	18	17	35	18	17
3	Làm quen tin học	35	18	17	35	18	17									
TỔNG		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544